

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thành Trại.

2/ Ông Nguyễn Văn Máy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lữ Văn Thới - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lê Thị Kim L**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp T T, xã T H, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Đỗ Tuấn P**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp T T, xã T H, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có mặt, anh P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Tuấn P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T H, huyện C T, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về kinh tế, tính tình không hợp và thường xuyên cãi vã. Chị L và anh P hiện đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị L và anh P có hai con chung tên Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 01/9/2003 và Đỗ Thị Xuân N, sinh ngày 06/7/2012. Hiện hai con chung đang sống cùng anh P. Khi ly hôn chị L đồng ý giao hai cháu H và cháu N cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 10/4/2018 bị đơn anh Đỗ Tuấn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh P thống nhất theo lời trình bày của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên cãi vã. Hiện vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh P đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh P và chị L có hai con chung tên Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 01/9/2003 và Đỗ Thị Xuân N, sinh ngày 06/7/2012. Hiện hai con chung đang sống cùng anh P. Khi ly hôn anh P yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh P, chị L đồng ý giao hai con chung tên Đỗ Thị Ngọc H và Đỗ Thị Xuân N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

xin ly hôn của chị L, về con chung giao hai cháu Đỗ Thị Ngọc H và Đỗ Thị Xuân N cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Tuấn P có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P.

[2] – Về nội dung yêu cầu: Chị Lê Thị Kim L yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Tuấn P. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị Lê Thị Kim L và anh Đỗ Tuấn P xác lập hôn nhân vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị L và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế nên dẫn đến thường xuyên cãi vã và anh chị đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Đỗ Tuấn P cũng đồng ý ly hôn với chị L, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị L và anh P có hai con chung tên Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 01/9/2003 và Đỗ Thị Xuân N, sinh ngày 06/7/2012. Xét thấy hiện hai cháu H và cháu N đang sống cùng anh P, chị L đồng ý giao hai con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và anh P cũng yêu cầu được nuôi hai con chung. Do đó để đảm bảo ổn định về mặt tâm sinh lý cũng như môi trường sống của cháu, đồng thời nguyện vọng của cháu H là muốn sống cùng anh P, do đó Hội đồng xét xử cần giao hai cháu H và cháu N cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung chị L và anh P khai thống nhất không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 80, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim L.

- Chị Lê Thị Kim L được ly hôn với anh Đỗ Tuấn P.

- Về con chung: Giao hai cháu Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 01/9/2003 và Đỗ Thị Xuân N, sinh ngày 06/7/2012 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P chưa có yêu cầu.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2/ Về án phí: Chị Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008054 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- UBND xã T H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh